TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/DS-PT
Ngày 27-5-2022
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Ông Đặng Văn Những

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 về "tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp P1, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Ông Phan Văn C, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Ấp G, xã N1, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1956 và bà Phạm Thị L, sinh năm: 1959;

Cả hai cùng địa chỉ: Ấp P1, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2017 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P cùng những lời trình bày của người đại diện cho bà P như sau: Nguồn gốc đất thửa 1142, diện tích là 1.457m^2, tờ bản đồ số 5 loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp Phụng Thớt, xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An là do cha, mẹ chồng cho từ năm 1975 và sử dụng ổn định; Năm 2012 chồng bà P là ông Ô được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp giấy chứng nhận QSDĐ lần đầu dưới hình thức công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất. Đến năm 2013 ông Ô qua đời bà P được chuyển quyền thừa kế đứng tên QSDĐ đất số BP 582139, cấp ngày 26 tháng 09 năm 2013,

Phần đất trên giáp ranh với thửa đất 1152 và 1165 của ông M và bà L. Từ năm 2005 các bên xảy ra tranh chấp phần đất ruộng giáp với phần đất tranh chấp hiện nay và đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh hòa giải thành vào ngày 23 tháng 04 năm 2005. Khoảng một năm sau thì ông M, bà L tiếp tục nạo vét lấn ranh tại các thửa 1165 hướng Đông về hướng Tây bờ kênh Phụng Thớt, hướng Nam thửa 1152, thửa 1165 của ông M giáp ranh với thửa 1142 của bà P về hướng Bắc. Quá trình nạo vét lấn ranh về phía đất của bà P để bồi đắp về phía ông M. Vào khoảng tháng 03 năm 2017, ông M tiếp tục đào bên chân đất của bà P đắp về phía đất của ông M. Vì vậy, bà P có gửi đơn đến chính quyền địa phương để yêu cầu giải quyết nhưng hòa giải không thành. Bà P đồng ý chia đôi phần diện tích đất tranh chấp này, phóng thẳng làm ranh nhưng ông M, bà L không đồng ý nên bà P khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Bà P yêu cầu ông M, bà L chia đôi phần diện tích đất tranh chấp, yêu cầu trả lại một phần thửa 1142 (c) với diện tích là 50m^2 chia hai thành 25m^2 và một phần thửa 1142 (b) với diện tích 47m^2 chia hai thành 23,5m^2 , thuộc tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp Phụng Thớt, xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An do bà P đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:* Vào năm 1975 cha ông có cho ông Ô một phần đất hiện tại do vợ là bà P sử dụng bao gồm một gò nhà, một đường bơm nước và một phần đất ruộng. Đến năm 1977 ông có vợ ra riêng, cha cũng cho ông y như vậy gồm gò nhà, một đường bơm nước và một phần đất ruộng và em ông là Thanh cũng như vậy.

Nhưng riêng gia đình của ông Ô thường xuyên phá phách bên gia đình ông, khi bơm nước rải phân thì con của ông Ô tự ý xả nước ra kênh bỏ, đến khi lúa trổ thì đem thuốc xịt cỏ xịt vào lúa của ông gây thiệt hại mùa màng và kinh tế gia đình của ông rất nhiều, bà P thường xuyên đổ rác, miễn chai, miễn chén xuống đường nước và hâm dọa nếu ai làm chứng. Sự việc trên ông có trình báo đến chính quyền ấp và đã được chính quyền nhắc nhở nhiều lần nhưng phía bà P vẫn như vậy. Năm 2013 ông Ô mất, đến năm 2017 bà P khởi kiện tranh chấp ranh với gia đình ông. Nay không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P, ông

yêu cầu công nhận phần diện tích đất tại thửa 1142 (b) diện tích 47m^2, thửa 1142(c) diện tích 50m^2; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông M. Phần đất này là của cha chồng cho vợ chồng bà và đã sử dụng ổn định từ năm 1977 cho đến nay. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P. Yêu cầu giữ nguyên hiện trạng phần đất (cống) mà gia đình bà đang sử dụng, yêu cầu công nhận phần diện tích đất tại thửa 1142(b) diện tích 47m^2, thửa 1142(c) diện tích 50m^2; thửa 1152(b) diện tích 5m^2 ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 166, 168,500 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 166, 170 luật đất đai năm 2013. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của bà P.

Bác yêu cầu của bà P về việc yêu cầu ông M và bà L trả lại cho bà P diện tích đất là 23,5 m^2 thuộc một phần thửa 1142 (b) và diện tích đất là 25 m^2 thuộc một phần thửa 1142 (c);

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông M và bà L diện tích đất là 47 m^2 thuộc một phần thửa 1142 (b); diện tích đất là 50m^2 thuộc một phần thửa 1142 (c). Vị trí, diện tích theo mảnh trích đo địa chính số 82-2021 ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Công ty dịch vụ đo đạt Thanh Tín được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Thạnh duyệt ngày 13 tháng 10 năm 2021.

Bà P, ông M, bà L được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, điều chỉnh theo đúng theo hiện trạng đất sử dụng của mình và theo quyết định của bản án để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 100 và khoản 2 Điều 170 của Luật đất đai năm 2013.

Buộc các bên thực hiện theo Quyết định của Tòa án về việc xác định quyền sử dụng. Trong trường hợp đương sự không thực hiện phán quyết của Tòa án về việc xác lập quyền sử dụng đất, cơ quan thi hành án có quyền ra quyết định cưỡng chế theo Luật thi hành án dân sự.

Về chi phí thẩm định, đo đạc: Bà P phải chịu 13.288.000 đồng (đã nộp xong).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp. Hoàn trả 230.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà P đã nộp theo lai thu số 0003963 ngày 04 tháng 06 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, nguyên đơn bà P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn do ông Còn đại diện trình bày: Bà P yêu cầu ông M và bà L trả diện tích đất là 23,5 m^2 thuộc một phần thửa 1142 (b) và diện tích đất 25 m^2 thuộc một phần thửa 1142 (c); Nguồn gốc do cha mẹ cho ông Ô, sử dụng ổn định từ năm 1975 đến năm 2005 thì xảy ra mâu thuẫn tranh chấp với ông M nên bà P tạo ra một đường mương nước phía bắc. Trong quá trình sử dụng ông M cứ nạo vét vào phần đất bà P nên hình thể đường mương nước ban đầu và hiện tại đã khác nhau (kèm hình ảnh chứng minh), những cây lâu năm do bà P và ông Ô trồng trên phần đất của bà P cách đường mường nước 1m mà hiện nay phần rễ cây đã chìa ra xuống đường mương nước. Nếu không có việc nạo vét thường xuyên vào phần đất bà P đề bồi vào phần đất của ông M thì bà P vẫn để nguyên hiện trạng nhưng sự việc cứ mâu thuẫn kéo dài do việc nạo vét. Vì vậy, bà P yêu cầu ông M và bà L trả lại ½ diện tích như đã nêu để nhằm xác định lại ranh đất và kết thúc việc mâu thuẫn chanh trấp kéo dài.

Bị đơn ông M và bà L trình bày: Xác định phần diện tích đất tranh chấp do cha cho con, đường mương nước thuộc đất thổ được Ủy ban cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông M. Khi ông Ô được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1142 thì ông M không có khiếu nại vì đường mương nước ông M vẫn sử dụng. Ông M sử dụng từ khi được cho năm 1977, ông Ô đã được cho đường mương nước phía bắc; đồng thời xác định không có việc nạo vét đường mương nước bên phần đất bà P. Về hiện trạng đường mương nước trước đây đúng hiện trạng như hình ảnh ông M đã xem do nguyên đơn cung cấp. Hiện nay ông M và bà P mỗi người sử dụng đường mương nước riêng và đều sử dụng được đường kênh 500 của địa phương. Nên không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà P.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà P yêu cầu ông M bà L trả diện tích ½ đường mương nước tại vị trí thửa 1142 (b), 1142 (c) theo mảnh trích đo địa chính số

82-2021 ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Công ty TNHH dịch vụ đo đạt Thanh Tín được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Thạnh duyệt ngày 13 tháng 10 năm 2021. Ông Dũ và bà Hà có 03 người con, ông bà có phần đất có diện tích chiều ngang 60m, cho mỗi người con một nền và một đường mương nước. Ngày 14 tháng 12 năm 2012 ông Ô được Ủy ban cấp giấy thửa 1142 đất CLN, ngày 29 tháng 4 năm 2013 ông M được cấp giấy thửa 1152, 1165 loại đất ONT; các bên được cấp giấy lần đầu nhưng đều thừa nhận nguồn gốc do cha mẹ cho. Theo mảnh trích do thì bà P và ông M diện tích thực tế đều ít hơn so với diện tích được cấp theo giấy chứng nhận. Phần đất tranh chấp do bà P đứng tên QSDĐ, hai bên thừa nhận khi cha mẹ cho đều không đo đạc, khi được cấp giấy chứng nhận QSDĐ không kiểm tra diện tích thực tế. Ông M cung cấp những người làm chứng xác nhận phần đất tranh chấp là đường mương nước do ông M sử dụng từ trước đến nay. Bà P cho rằng cha mẹ cho ông Ô đường mương nước nhưng không có căn cứ chứng minh. Năm 2005 giữa ông Ô và ông M có tranh chấp phần ranh đất phía sau, thời điểm này phía bà P xác định đất đã bị lấn ranh nhưng ông Ô không tranh chấp, ông Ô đã có đường mương nước phía bắc nên không có căn cứ chứng minh ông M đã lấn đất. Do đó, kháng cáo của bà P không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của ông M và bà L, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thụ lý nên tuyên công nhận cho ông M và bà L diện tích đất là 47 m^2 thuộc một phần thửa 1142 (b); diện tích đất là 50m^2 thuộc một phần thửa 1142 (c) là vượt quá yêu cầu. Đề nghị sửa phần công nhận này.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn bà P hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

[3.1] Đối với phần đất tranh chấp có diện tích 23,5m^2 thuộc một phần thửa 1142 (b) và diện tích đất là 25m^2 thuộc một phần thửa 1142 (c), đều thuộc tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp P Thớt, xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Theo mảnh trích đo địa chính số 82-2021 ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Công ty TNHH dịch vụ đo đạt Thanh Tín được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Thạnh duyệt ngày 13 tháng 10 năm 2021; ông Ô được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp giấy chứng nhận

QSDĐ lần đầu năm 2012 dưới hình thức công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (thửa 1142, diện tích là 1.457m^2), nguồn gốc đất do cha mẹ cho. Đến năm 2013 ông Ô chết bà P được hưởng quyền thừa kế đứng tên QSDĐ đất giấy chứng nhận số BP 582139, Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp ngày 26 tháng 09 năm 2013.

[3.2] Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 1142 (b), 1142 (c) giáp ranh thửa 1152, 1165 của ông M. Phía ông M cho rằng các anh em đều được cha mẹ cho 01 ngôi nhà và 01 đường mương nước sử dụng ổn định; ông M cũng được cha mẹ cho đường mương nước và sử dụng ổn định từ năm 1977 đến nay. Ngoài ra ông M cung cấp lời trình bày của những người làm chứng xác nhận đường mương nước là do ông M sử dụng. Qua kết quả xem xét thẩm định ngày 16 tháng 4 năm 2022 thể hiện hiện trên phần đất tranh chấp có 01 ống dẫn nước bằng nilon (di dời được); phần đầu máy bơm đặt cố định bên ngoài, bên đường mương nước đất của bà P có trồng cây lâu năm. Phía bà P xác định không sử dụng đường mương nước này từ năm 2005, trong quá trình ông M sử dụng nạo vét phần đất bên bà P bồi đắp qua phần đất ông M dẫn đến những cây lâu năm trước đây trồng trên bờ hiện nay có cây chìa rễ cây nằm dưới đường mương nước.

[3.3] Theo lời trình bày và các chứng cứ trong hồ sơ nhận thấy phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 1142, tờ bản đồ số 5 loại đất trồng cây lâu năm, ông Ô được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giấy chứng nhận QSDĐ ngày 14 tháng 12 năm 2012, theo hình thức Nhà nước công nhận QSDĐ như giao đất không có thu tiền sử dụng đất; giáp ranh là đất ông M thửa 1152, 1165 thuộc tờ bản đồ số 5, loại đất ở nông thôn, ông M được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 29 tháng 04 năm 2013, theo hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Quá trình ông Ô cũng như ông M được Ủy ban cấp giấy chứng nhận QSDĐ hai bên đều không khiếu nại. Các bên trình bày nguồn gốc đất được cha mẹ cho nhưng thời điểm được cho cha mẹ đều chưa được đứng tên giấy; cha mẹ cho đường mương nước không xác định được diện tích chiều ngang là bao nhiêu.

[3.4] Về quá trình sử dụng cả hai đều xác định hiện nay bà P sử dụng đường mương nước khác; phía ông M hiện nay sử dụng 02 đường nước cho sản xuất nông nghiệp là đường mương nước đang tranh chấp và kênh 500. Như vậy, phần đường mương nước đang tranh chấp không phải là đường mương nước duy nhất để các bên sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Xét hiện trạng thì bên đất bà P có trồng cây trồng lâu năm, rễ cây phát triển dần bám xuống đáy của đường mương nước này; phía bà P và ông M đều được Ủy ban cấp giấy chứng nhận QSDĐ đúng quy định. Ông M trình bày đường mương nước là loại đất thổ, ông đã được Ủy ban cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông là không đúng vì theo mảnh trích đo địa chính số 82-2021 ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Công ty dịch vụ TNHH đo đạt Thanh Tín thì phần đường mương nước là loại đất cây lâu năm, còn thửa đất 1152 và 1165 của ông M là đất ở tại nông thôn.

Mặt khác, ông M xác định hiện trạng đường mương nước thời điểm được cho đúng như hình ảnh nguyên đơn cung cấp; như vậy đối chiếu với hình ảnh hiện tại thì hiện trạng đường mương nước đã bị thay đổi diện tích rộng và sâu hơn, không còn chân đáy bùn hai bên và cách xa hàng cây lâu năm như hình ảnh khi mới được cho. Cấp sơ thẩm căn cứ vào việc đường mương nước ông M đang sử dụng để bác yêu cầu của bà P; tuy nhiên, bà P vẫn xác định đường mương nước ông M sử dụng, vấn đề bà P nêu ra là ông M nạo vét đường mương nước lấn vào phần đất bà P và như đã nhận định đất của ông M và bà P là 02 loại đất khác nhau. Nên việc bà P cho rằng phía ông M nạo vét lấn vào phần đất của bà P, yêu cầu ông M, bà L trả diện tích ½ đường mương nước là phù hợp; đồng thời việc buộc trả diện tích ½ đường mương nước này không làm ảnh hưởng đến việc ông M sử dụng diện tích ½ đường mương nước còn lại.

[3.5] Đối với yêu cầu của ông M và bà L, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích là 47m^2 thuộc một phần thửa 1142 (b); diện tích 50m^2 thuộc một phần thửa 1142 (c) thể hiện tại lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 11 tháng 11 năm 2021 (trong đó có ½ diện tích mà các bên không tranh chấp) nhưng yêu cầu này chưa được Tòa án thụ lý bổ sung nên Tòa án sơ thẩm giải quyết công nhận cho bị đơn là vượt quá yêu cầu phạm vi khởi kiện theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, cần tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm về việc Tòa án công nhận đường mương nước cho ông M và bà L. Mặt khác, tại Công văn số 1566/UBND-NC ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Thạnh trả lời có nội dung như sau "Căn cứ khoản 2 Điều 8, 9 của Quyết định 42/2021/QD-UBND, ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách đối với đất ở và đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Long An thì trường hợp tách thửa nếu công nhận cho ông M và bà L không đảm bảo diện tích tối thiểu". Vì vậy, việc chấp nhận yêu cầu của bà P buộc ông M và bà L trả diện tích ½ đường mương nước, còn lại diện tích ½ đường mương nước do bà P đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ, Tòa án không tuyên cập nhật điều chỉnh diện tích trên giấy mà các bên sẽ kê khai biến động đất đai trong quá trình sử dụng đất theo quy định.

[4] Từ nhận định mục [3], chấp nhận kháng cáo của bà P. Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST, ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Tân Thạnh tỉnh Long An. Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ chấp nhận một phần.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định sơ thẩm và phúc thẩm 15.888.000 đồng (mười lăm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng): Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên ông M và bà L phải chịu theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà P đã nộp tạm ứng chi phí trên nên buộc ông M và bà L trả lại cho bà P.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P và bà M phải chịu nhưng có đơn xin miễn vì thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều

12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 nên được xem xét chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà P không phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 4 Điều 308 và 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An về việc Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L diện tích đất là 47 m^2 thuộc một phần thửa 1142(b); diện tích đất 50m^2 thuộc một phần thửa 1142(c).

Vị trí 1142(b), 1142(c) theo mảnh trích đo địa chính số 82 -2021 ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Công ty TNHH dịch vụ đo đạt Thanh Tín được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Thạnh duyệt ngày 13 tháng 10 năm 2021.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2021/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 166, Bộ luật dân sự; Điều 166, 170 luật đất đai năm 2013.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị P phần đất có diện tích 23,5 m^2 thuộc một phần thửa 1142 (b1) và phần đất có diện tích 25m^2 thuộc một phần thửa 1142 (c1), tờ bản đồ số 5, loại đất trồng cây lâu năm do bà Nguyễn Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vị trí 1142(b), 1142(c) theo mảnh trích đo địa chính số 82 -2021 ngày 10 tháng 09 năm 2021 của Công ty dịch vụ đo đạt Thanh Tín được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Tân Thạnh duyệt ngày 13 tháng 10 năm 2021 và mảnh trích đo bổ sung của Công ty dịch vụ đo đạt Thanh Tín chia 1142 (b) ra 1142(b1); chia 1142(c) ra 1142(c1).

3. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L phải chịu số tiền 13.288.000 đồng (mười ba triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền 13.288.000 đồng (mười ba triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

4. Về chi phí xem xét thẩm định phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L phải chịu số tiền 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L phải trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P 230.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003963 ngày 04 tháng 06 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị L được miễn nộp.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P không phải chịu.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND CC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền